

Bản án số: 42/2021/HS-ST
Ngày: 26-5-2021

NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Ngọc Hồng**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **ĐA Hoàng Duyên**

Ông **Thái Ngọc Minh**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Mai** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:
Ông **Nguyễn Sơn Thành** – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 25/TLST-HS ngày 15 tháng 4 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2021/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 4 năm 2021 đối với bị cáo:

Dương Thị Nh, sinh năm: 1987. Nơi sinh: Tỉnh Bạc Liêu. Nơi cư trú: Tổ 1, ấp Gành D, xã Gành D, thành phố Phú Q, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: 03/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ, tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Văn Th và bà Lâm Thị X, chồng: Lương Thanh Giàu, có 01 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/7/2020 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa chỉ định cho bị cáo:

Luật sư **Mai Thường X** – Văn phòng luật sư Phạm Văn Cần - Đoàn luật sư tỉnh Kiên Giang. Có mặt

- Người bị hại:

1. Ông **Lê Huỳnh H**, sinh năm 1986. Có mặt

Nơi cư trú: 92/5 Trần Phú, khu phố 6, phường Dương Đ, thành phố Phú Q, tỉnh Kiên Giang

2. Bà **Trần Kim T**, sinh năm 1987. Có mặt

Nơi cư trú: 99 Trần Phú, khu phố 6, phường Dương Đông, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang

3. Bà **Võ Thị Ngọc A**, sinh năm 1991. Có mặt

Nơi cư trú: Ấp 3, xã Cửa C, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào năm 2018 Dương Thị Nh làm nghề mua, bán hải sản tại phường Dương Đông, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang, trong quá mua, bán hải sản Nh có tham gia chơi đánh bạc với nhiều người (Nh không biết tên và địa chỉ) bằng hình thức lặc tài, xiu và bị thua hết tiền. Đến giữa năm 2018 đến ngày 28/3/2019, Dương Thị Nh, đã nhiều lần vay tiền của ông Lê Huỳnh H, bà Trần Kim T và rủ bà Võ Thị Ngọc A hùn vốn mua hải mã bán lại tiền lời chia đôi. Tổng cộng Nh đã chiếm đoạt của ông H, bà T và bà Ngọc A số tiền 8.270.000,000 đồng, sau đó bỏ trốn để chiếm đoạt cụ thể như sau:

1/. Hành vi chiếm đoạt tiền của ông Lê Huỳnh H:

- Lần thứ nhất: Vào khoảng giữa năm 2018, Dương Thị Nh gặp Lê Huỳnh H hỏi vay tiền nói là thu mua hải sản, ông H tin tưởng cho Nh vay số tiền 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng), số tiền này Nh sử dụng vào việc đánh bạc và thua hết.

- Lần vay thứ hai, Nh vay của H 700.000.000đ (bảy trăm triệu đồng), số tiền này Nh dùng trả lãi, sử dụng để thu mua hải sản và tiêu xài cá nhân.

- Lần thứ ba, Nh vay của H 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng), sử dụng vào việc tiêu xài cá nhân. Đến ngày 03/4/2019, H yêu cầu Nh đến nhà H tại phường Dương Đông, thành phố Phú Quốc để ký biên nhận nợ vay số tiền 2.870.000.000đ (Hai tỷ tám trăm bảy mươi triệu đồng), sau đó H gọi điện thoại yêu cầu chồng Nh là ông Lương Thanh Giàu đến nhà cùng ký vào biên nhận vào tiền gốc và phủ nhận việc bắt giữ Nh. H chỉ có nhận tiền lãi của Nh 03 lần là 60.000.000đồng.

2/. Hành vi chiếm đoạt tiền của Trần Kim T: Sau khi vay tiền của H khoảng 02 tháng thì Nh tiếp tục nhiều lần vay tiền Trần Kim T cũng nói là để thu mua hải sản, cá ngừ. Tổng cộng Nh vay của T 03 lần số tiền 1.700.000.000 đồng. Số tiền này Nh dùng trả nợ, thu mua hải sản và chi xài cá nhân.

3/. Hành vi chiếm đoạt tiền của Võ Thị Ngọc A:

Vào khoảng đầu năm 2019, Nh gặp Võ Thị Ngọc A kêu gọi Ngọc A hùn vốn để cùng thu mua hải mã, bán lại tiền lời (lợi nhuận) sẽ chia đôi. Ngọc A đồng ý nên lần đầu giao tiền mặt cho Nh 1.000.000.000đồng (Một tỷ đồng), Nh cam kết chia lời cho Ngọc A là 10.000.000đồng/ngày. Thời gian đầu Nh thực hiện đúng cam kết nhưng một thời gian sau không chia lời trong thời gian 10 ngày là 100.000.000đồng (Một trăm triệu đồng), nên Nh và Ngọc A thống nhất hùn khoản tiền này tiếp tục mua hải mã và tính thành số tiền hùn vốn là 1.100.000.000đ. Sau đó, Nh yêu cầu Ngọc A tiếp tục hùn tiền để mua hải mã, tin tưởng Nh, Ngọc A đưa cho Nh 2.000.000.000đồng (hai tỷ đồng), cam kết chia lời là 90.000.000đồng/ngày. Sau khi nhận tiền Nh chia lời đúng cam kết nhưng sau đó Nh không chia lời số tiền 600.000.000 đồng theo thỏa thuận, nên Nh và Ngọc A thống nhất hùn khoản tiền để tiếp tục thu mua cá ngừ thành tổng số tiền là 3.700.000.000đồng (Ba tỷ bảy trăm triệu đồng). Số tiền 3.700.000.000 đồng Nh dùng trả lãi cho H, T, Ngọc A, thu mua hải sản và chi xài cá nhân, đến ngày 06/4/2019 Dương Thị Nh bỏ trốn không trả tiền vay, chiếm đoạt toàn bộ số tiền trên.

* Tại bản kết luận giám định về chữ viết và đường vân số: 675/KL-KTHS, ngày 31/12/2019, của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Kiên Giang kết luận như sau:

1. Chữ ký mang tên Dương Thị Nh và chữ viết ghi họ và tên Dương Thị Nh phía dưới chữ ký trên các mẫu giám định ký hiệu A1, A2 và A3 so với chữ ký và chữ viết đúng tên Dương Thị Nh trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M7 là do cùng một người ký và viết ra.

2. 02 (hai) dấu vân tay mang tên Dương Thị Nh trên mẫu cần giám định ký hiệu A2 và 02 dấu vân tay mang tên Dương Thị Nh trên mẫu cần giám định ký hiệu A3 với dấu vân tay in trên Chỉ bản mẫu so sánh ký hiệu M8 là của cùng một người.

3. Hai dấu vân tay mang tên Lương ThA Giàu trên mẫu cần giám định ký hiệu A3 cp1: Dấu bên trái không đủ yếu tố giám định: Dấu bên phải với dấu vân tay trên Chỉ bản mẫu so sánh ký hiệu M9 là của cùng một người.

Tại bản cáo trạng số: 33/CT-VKSTKG –P2 ngày 15/4/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang đã truy tố bị cáo Dương Thị Nh về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 4 Điều 175 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố đã đánh giá tính

chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội đối với hành vi phạm tội của bị cáo và xác định vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: Khoản 4 Điều 175, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Dương Thị Nh từ 14 – 16 năm tù**

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 589 Bộ luật dân sự:

Do bị hại Lê Huỳnh H chỉ yêu cầu bị cáo hoàn trả 2.500.000.000 đồng, Trần Kim T yêu cầu hoàn trả 1.500.000.000 đồng, Võ Thị Ngọc A yêu cầu hoàn trả 3.700.000.000 đồng. Bị cáo đồng ý nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận cụ thể như sau:

- Bị cáo trả cho ông Lê Huỳnh H số tiền 2.500.000.000đ (Hai tỷ năm trăm triệu đồng).
- Bị cáo trả cho bà Trần Kim T số tiền 1.500.000.000đ (Một tỷ năm trăm triệu đồng).
- Bị cáo trả cho bà Võ Thị Ngọc A số tiền 3.700.000.000đ (Ba tỷ bảy trăm triệu đồng).

**Luật sư bào chữa cho bị cáo trình bày quan điểm:*

Luật sư đồng ý với bản cáo trạng truy tố bị cáo Dương Thị Nh. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho hoàn cảnh của bị cáo: Bị cáo xuất thân từ gia đình lao động, trình độ học vấn thấp, hiểu biết pháp luật bị hạn chế. Bị cáo sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự và bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của các bị hại. Bị cáo do vay tiền và phải chịu lãi quá cao rồi lấy đầu này lấp đầu kia, thực tế tiền gốc bị cáo đã nhận là ít hơn, đề nghị Hội đồng xét xử tách phần lãi ra cho bị cáo, chỉ tính phần vốn để xét xử mới phù hợp. Các bị hại có thể phạm tội cho vay nặng lãi, do bị cáo trình độ hiểu biết bị hạn chế nên không có chứng cứ chứng minh việc cho vay nặng lãi này. Bị cáo vì lo sợ nên phải lánh mặt lên Thành phố Hồ Chí Minh làm ăn để kiếm tiền trả nợ cho các bị hại. Đề nghị xử bị cáo mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

Tại phiên tòa:

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu.

Các bị hại cho rằng không có cho vay nặng lãi, số tiền bị cáo đã vay là tiền vốn và đề nghị xử bị cáo mức án theo quy định của pháp luật.

Lời nói cuối cùng của bị cáo trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án: Bị cáo xin Hội đồng xét xử mức án thấp nhất để sớm được trở về với gia đình và làm ăn trả nợ cho các bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tra tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Kiên Giang, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi bị truy tố của bị cáo:

Trong khoảng thời gian từ giữa năm 2018 đến ngày 28/3/2019, Dương Thị Nh đã 06 lần vay, mượn của A Lê Huỳnh H, chị Trần Kim T và kêu chị Võ Thị Ngọc A hùn tiền góp vốn mua hải sản. Tổng cộng bị cáo đã chiếm đoạt của 03 người số tiền 8.270.000.000 đồng, đến ngày 06/4/2019 bị cáo bỏ trốn không trả tiền vay, chiếm đoạt toàn bộ số tiền.

Tại phiên tòa, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, cùng các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang truy tố bị cáo về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 4 Điều 175 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội:

Hành vi phạm tội của bị cáo Nh là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân một cách trái pháp luật, gây tâm lý hoang mang cho các bị hại. Bị cáo nhận thức được hành vi lợi dụng sự tin tưởng của người bị hại để chiếm đoạt tài sản của họ là vi phạm pháp luật nhưng vì động cơ tham lam, tư lợi nên đã thực hiện hành vi phạm tội. Cần thiết phải xử lý bị cáo mức án nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội trong một thời gian nhất định mới đảm bảo được tính răn đe, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo có nhân thân tốt

nên áp dụng cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo phạm tội nhiều lần là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5] Về quan điểm đề nghị của vị đại diện viện kiểm sát:

Tình tiết định khung hình phạt, các tình tiết giảm nhẹ và mức hình phạt cho bị cáo mà vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị là có căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về ý kiến của luật sư bào chữa cho bị cáo:

Luật sư đề nghị xử bị cáo dưới khung hình phạt là không có cơ sở chấp nhận do bị cáo không có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, bị cáo còn có một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo phạm tội đặc biệt nghiêm trọng, chiếm đoạt số tiền của các bị hại là đặc biệt lớn, cho đến nay chưa khắc phục hậu quả. Đối với việc cộng lãi vào phần tiền gốc, lấy tiền hoa hồng, không có tài liệu chứng minh nên không có cơ sở khấu trừ cho bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên tòa, bị hại Lê Huỳnh H chỉ yêu cầu bị cáo hoàn trả 2.500.000.000 đồng, bị hại Trần Kim T lúc đầu chỉ yêu cầu bị cáo hoàn trả 1.500.000.000 đồng nhưng sau đó lại yêu cầu bị cáo hoàn trả 1.700.000.000 đồng, bị hại Võ Thị Ngọc A yêu cầu bị cáo hoàn trả 3.700.000.000 đồng. Bị cáo cũng đồng ý trả theo yêu cầu của các bị hại. Đây là sự tự thỏa thuận giữa bị cáo và các bị hại nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[8] Về án phí:

Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng, án phí dân sự có giá ngạch là $112.000.000 \text{ đồng} + (0,1\% \text{ của } 3.900.000.000 \text{ đồng}) = 115.900.000 \text{ đồng}$.

*Về các vấn đề khác:

- Về hành vi đánh bạc của bị cáo Dương Thị Nh do không xác định được địa điểm, thời gian, người tổ chức, định lượng nên không có cơ sở để xử lý.

- Đối với Lê Huỳnh H; Trần Kim T trong quá trình điều tra không có cơ sở xem xét hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự và hành vi bắt giữ người trái pháp luật nên không có cơ sở xử lý.

- Đối với Lương ThA Giàu mặc dù có ký vào hai giấy nhận nợ, nhưng quá trình thỏa thuận việc vay, nhận tiền là một mình Dương Thị Nh, sau khi nhận tiền Nh sử dụng vào việc cá nhân ông Giàu không biết nên Cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh Kiên Giang không đề nghị xử lý là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo **Dương Thị Nh** phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng: Khoản 4 Điều 175, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Dương Thị Nh 14 (Mười bốn) năm tù**. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 07/7/2020.

Về trách nhiệm dân sự. Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 589 Bộ luật dân sự

Ghi nhận việc bị cáo hoàn trả cho các bị hại số tiền 7.900.000.000 đồng cụ thể như sau:

- Ông Lê Huỳnh H số tiền 2.500.000.000đ (Hai tỷ năm trăm triệu đồng).

- Bà Trần Kim T số tiền 1.700.000.000đ (Một tỷ bảy trăm triệu đồng).

- Bà Võ Thị Ngọc A số tiền 3.700.000.000đ (Ba tỷ bảy trăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về án phí:

Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự có giá ngạch 115.900.000 đồng

Về quyền kháng cáo:

Báo cho bị cáo, người bị hại biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Vụ giám đốc kiểm tra 1 (1);
- VKSND Cấp cao tại Tp. HCM (1);
- TAND Cấp cao tại Tp.HCM (1);
- VKSND tỉnh KG (1);
- Sở Tư pháp tỉnh KG (1);
- THA tỉnh KG (1);
- Cơ quan điều tra tỉnh KG (1);
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh KG (1);
- Trại tạm giam - CA tỉnh KG (1);
- Bị cáo (1);
- Đường sự (7);
- Luật sư (1);
- Tổ hành chính tư pháp (1);
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu tòa hình sự (5).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Trương Ngọc Hồng